

Bản án số: 90/2022/DS-ST

Ngày: 15-9-2022

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Q.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn T.**

2. Ông **Lê Văn T.**

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Sử Ngọc Q - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc V - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 58/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2022 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Hoàn C**, sinh năm 1957 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 7, hẻm số 7, đường Châu Văn L, khu phố Hiệp A, phường Hiệp T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Ông **Phan Trí M**, sinh năm 1970 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 91, tổ 23, khu phố Hiệp A, phường Hiệp T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh **Nguyễn Hoàng Minh T**, sinh năm 1989 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 59, đường Lý Thường K, Khu p, phường Long H, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 04/4/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Hoàn C trình bày:

Do chỗ chòm xóm quen biết nhau nên ông C có cho ông M vay tiền 03 lần, cụ thể như sau:

- + Ngày 01/5/2019, ông C cho ông M vay số tiền 20.000.000 đồng.
 - + Ngày 13/5/2019, ông C tiếp tục cho ông M vay số tiền 20.000.000 đồng.
 - + Ngày 25/10/2019, ông C tiếp tục cho ông M vay số tiền 10.000.000 đồng.
- Tổng cộng 03 lần vay là 50.000.000 đồng.

Khi vay tiền, hai bên có làm biên nhận nợ do ông M ký tên, hai bên không thỏa thuận lãi suất cụ thể và thỏa thuận mỗi khoản vay thì nửa tháng trả nợ, mục đích ông M vay tiền để làm ăn kinh doanh. Đến ngày 01/11/2021, tại Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành hai bên đối chiếu lại thì ông M còn nợ ông C số tiền 43.000.000 đồng và thỏa thuận tháng 10/2021 sẽ trả 20.000.000 đồng; tháng 11/2021 sẽ trả 10.000.000 đồng và tháng 12/2021 sẽ trả 13.000.000 đồng nên ông C đã rút lại đơn khởi kiện. Tuy nhiên, sau khi hai bên viết cam kết đến nay thì ông M vẫn chưa trả số tiền nào cho ông C. Sau khi viết lại giấy nhận nợ 43.000.000 đồng vào ngày 01/11/2021 thì ông C không nhận bất kỳ số tiền nào của ông M, còn việc ông M trình bày đã trả 43.000.000 đồng cho bà H là việc giữa ông M và bà H tự giải quyết với nhau.

Nay ra tòa, ông C yêu cầu ông M có nghĩa vụ trả lại cho ông C số tiền 43.000.000 (Bốn mươi ba triệu) đồng, ông C không yêu cầu ông M phải trả tiền lãi.

- Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là anh Nguyễn Hoàng Minh T trình bày:

Do chỗ chòm xóm quen biết nhau nên khoảng thời gian năm 2019, ông M có vay của ông C hai lần số tiền 50.000.000 đồng, khi vay tiền, hai bên có làm biên nhận nợ do ông M ký tên, hai bên không thỏa thuận lãi suất và không thỏa thuận thời gian trả nợ, mục đích ông M vay tiền để làm ăn kinh doanh. Sau khi viết giấy nợ, ông M có trả cho ông C được tiền vốn 7.000.000 đồng nhưng không làm giấy, đến ngày 01/11/2021, hai bên đối chiếu tại Tòa án thì ông M còn nợ ông C số tiền 43.000.000 đồng. Sau đó bà H là người khi ông C cho ông M mượn tiền thì ông C có dẫn bà H theo và ông C có nói tiền mượn là tiền của bà H, bà H có ghé nhà của ông M và ông M có giao số tiền 43.000.000 đồng để trả cho ông C nhưng ông M không yêu cầu bà H viết biên nhận tiền.

Nay ra tòa, ông C yêu cầu ông M có nghĩa vụ trả lại cho ông C số tiền 43.000.000 (Bốn mươi ba triệu) đồng thì ông M không đồng ý vì ông M đã trả nợ cho ông C và bà H 43.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn là ông C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là anh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông C, anh T là phù hợp theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn là ông M có nghĩa vụ trả cho ông C số tiền 43.000.000 đồng. Ông C không yêu cầu tính lãi cần ghi nhận.

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền thụ lý vụ án: ông Phan Trí M là bị đơn có nơi cư trú tại nhà số 91, tổ 23, khu phố Hiệp A, phường Hiệp T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh thụ lý vụ án là đúng theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thu thập chứng cứ cho đến khi xét xử, nguyên đơn là ông C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là anh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với ông C, anh T là đúng với quy định tại Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Từ ngày 01/5/2019 đến ngày 25/10/2019, ông C cho ông M vay số tiền 50.000.000 đồng, khi vay tiền hai bên có làm biên nhận nợ do ông M ký tên; đến ngày 01/11/2021 khi hai bên đối chiếu nợ tại Tòa án thì ông M thừa nhận còn nợ ông C số tiền 43.000.000 đồng và cam kết tháng 10/2021 sẽ trả 20.000.000 đồng; tháng 11/2021 sẽ trả 10.000.000 đồng và tháng 12/2021 sẽ trả 13.000.000 đồng nhưng sau khi làm cam kết đến nay thì ông M vẫn chưa trả số tiền nào cho ông C, ông C yêu cầu ông M thực hiện theo cam kết trả lại cho ông C số tiền 43.000.000 đồng nhưng ông M không đồng ý nên hai bên phát sinh tranh chấp. Đây là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự.

[4] Xét về nghĩa vụ thanh toán thấy rằng: Ông C đã cung cấp cho Tòa án 01 bản gốc biên nhận nợ ngày 01/11/2021 do ông M viết và ký tên tại Tòa án, hai bên thỏa thuận tháng 10/2021 sẽ trả 20.000.000 đồng; tháng 11/2021 sẽ trả 10.000.000 đồng và tháng 12/2021 sẽ trả 13.000.000 đồng nhưng đến nay ông M vẫn chưa thanh toán cho ông C số tiền 43.000.000 đồng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Riêng ông M cho rằng sau khi hai bên đối chiếu tại Tòa án thì ông M có viết biên nhận còn nợ ông C số tiền 43.000.000 đồng và ông M đã trả xong cho ông C nhưng ông M đã không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc đã trả số tiền này nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C yêu cầu ông M phải có nghĩa vụ trả cho ông C số tiền vốn 43.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật, ông C không yêu cầu ông M phải trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàn Chiếu đối với ông Phan Trí Minh yêu cầu trả số tiền vay còn nợ.

Buộc ông Phan Trí M có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Hoàn C số tiền 43.000.000 (Bốn mươi ba triệu) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông M phải chịu 2.150.000 (Hai triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- CC.THADS thị xã Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.